

MẪU HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA MỚI NHẤT

1. Hợp đồng mua bán hàng hóa là gì?

Mua bán hàng hóa là một hoạt động thương mại giữa bên mua và bên bán, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ có bản chất chung của hợp đồng dân sự, là sự thỏa thuận bằng lời nói hoặc bằng văn bản nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ mua bán hàng hóa và dịch vụ.

2. Đặc điểm hợp đồng mua bán hàng hóa

Có thể xem xét các đặc điểm của Hợp đồng mua bán hàng hóa trong mối liên hệ với hợp đồng mua bán tài sản theo nguyên lý của mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung.

Đặc điểm chung của hợp đồng mua bán hàng hóa:

- Là hợp đồng ưng thuận tức là nó được coi là giao kết tại thời điểm các bên thỏa thuận xong các điều khoản cơ bản, thời điểm có hiệu lực của HĐ không phụ thuộc vào thời điểm bàn giao hàng hóa, việc bàn giao hàng hóa chỉ được coi là hành động của bên bán nhằm thực hiện nghĩa vụ của HĐ mua bán đã có hiệu lực.
- Có tính đền bù là bên bán khi thực hiện nghĩa vụ giao hàng hóa cho bên mua thì sẽ nhận từ bên mua một lợi ích tương đương với giá trị hàng hóa theo thỏa thuận dưới dạng khoản tiền thanh toán.
- Là hợp đồng song vụ : mỗi bên trong HĐ mua bán hàng hóa đều bị ràng buộc bởi nghĩa vụ đối với bên kia, đồng thời lại cũng là bên có quyền đòi hỏi bên kia thực hiện nghĩa vụ đối với mình. Trong HĐ mua bán hàng hóa tồn tại hai nghĩa vụ chính mang tính chất qua lại và liên quan mật thiết với nhau: nghĩa vụ của bên bán phải bàn giao hàng hóa cho bên mua và nghĩa vụ của bên mua phải thanh toán cho bên bán

Đặc điểm riêng của HĐ mua bán hàng hóa:

- Về chủ thể, hợp đồng mua bán hàng hóa được thiết lập giữa các chủ thể chủ yếu là thương nhân. Luật thương mại 2005 quy định thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp; cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân không phải là thương nhân cũng có thể trở thành chủ thể của hợp đồng mua bán hàng hóa. Theo khoản 3 Điều 1 Luật thương mại, hoạt động của bên chủ thể không phải là thương nhân và không nhằm mục đích lợi nhuận trong quan hệ mua bán hàng hóa phải tuân theo Luật thương mại khi chủ thể này lựa chọn áp dụng Luật thương mại.

- Về hình thức, hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được thể hiện dưới hình thức lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể của các bên giao kết. Trong một số trường hợp nhất định, pháp luật bắt buộc các bên phải giao kết hợp đồng dưới hình thức văn bản, ví dụ như HĐ mua bán hàng hóa quốc tế phải được thể hiện dưới hình thức văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương như điện báo, telex, fax hay thông điệp dữ liệu.
- Về đối tượng: hợp đồng mua bán hàng hóa có đối tượng là hàng hóa. Theo Luật thương mại Việt Nam 2005, hàng hóa là đối tượng của quan hệ mua bán có thể là hàng hóa hiện đang tồn tại hoặc hàng hóa sẽ có trong tương lai; hàng hóa có thể là động sản hoặc bất động sản được phép lưu thông thương mại.

3. Các điều khoản cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa

Các điều khoản cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa là những điều khoản không thể thiếu được. Nếu không thỏa thuận được những điều khoản đó thì hợp đồng mua bán hàng hóa không thể giao kết được.

Ngoài ra, có những điều khoản không phải là điều khoản cơ bản đối với hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng các bên thấy cần phải thỏa thuận được điều khoản đó mới giao kết hợp đồng thì những điều khoản này cũng trở thành điều khoản cơ bản của hợp đồng đó.

Các điều khoản cơ bản của hợp đồng mua bán hàng hóa là:

Đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa:

Các bên thỏa thuận về tính hợp pháp của loại hàng hóa mà mình chuẩn bị mua bán. Bởi không phải mọi loại hàng hóa đều được đưa vào kinh doanh, mua bán. Có những hàng hóa bị cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện. Đối với loại hàng hóa kinh doanh có điều kiện thì phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật mới được thực hiện việc mua bán. Đây là bước nền tảng để thực hiện việc mua bán hàng hóa.

Các điều kiện về số lượng, chất lượng, cách thức bảo quản, đóng gói... hàng hóa do các bên thỏa thuận lúc xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa. Hầu hết hàng hóa đưa vào mua bán trong thị trường phải có nhãn hàng hóa. Nội dung phải thể hiện trên nhãn hàng hóa bao gồm: tên hàng, tên và địa chỉ của người chịu trách nhiệm về hàng hóa và xuất xứ hàng hóa. Ngoài ra, tùy theo từng loại hàng hóa mà có những nội dung cụ thể như: hạn sử dụng, thành phần định lượng, thông số kỹ thuật, thông tin hệ số an toàn... Nhãn hàng hóa phải được đặt ở vị trí dễ quan sát, bảo đảm thông tin ghi trên nhãn hàng hóa là chính xác.

Hàng hóa không phù hợp với hợp đồng

Hợp đồng cần quy định rõ về tiêu chuẩn hàng hóa như trên để khi xảy ra trường hợp hàng hóa không như thỏa thuận thì hợp đồng là căn cứ để bên mua từ chối mua hàng.

Trường hợp hợp đồng không có những quy định cụ thể về hàng hóa thì giải quyết theo quy định của pháp luật, theo đó hàng hóa không phù hợp với hợp đồng thuộc một trong các trường hợp sau:

- hàng hóa không phù hợp với mục đích sử dụng thông thường của hàng hóa cùng chủng loại
- hàng hóa không phù hợp với mục đích mà bên mua đã yêu cầu
- hàng hóa không được bảo quản, đóng gói theo cách thức thông thường đối với loại hàng hóa đó...

Hàng hóa khiếm khuyết:

Bên bán phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hóa có trước thời điểm hàng hóa đã được giao cho bên mua, kể cả khi khiếm khuyết đó được phát hiện sau khi bên mua đã nhận hàng.

Trường hợp trong lúc kí hợp đồng, bên mua đã biết về những khiếm khuyết của hàng hóa nhưng vẫn chấp nhận kí thì bên bán không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hóa.

Nếu như sau khi bên mua nhận hàng về mà khiếm khuyết của hàng hóa mới phát sinh trong quá trình sử dụng do lỗi của bên bán thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán chịu trách nhiệm.

Giá trong hợp đồng mua bán hàng hóa:

Cần ghi rõ tổng giá trị của hợp đồng. Doanh nghiệp cần lưu ý đồng tiền thanh toán là Việt Nam đồng, trừ một số trường hợp được Nhà nước cho phép sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam. Ngoài ra một điều khoản mà các chủ thể hay bỏ qua đó là cách xác định giá khi có biến động, khi có sự kiện bất khả kháng. Điều khoản này rất quan trọng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Phương thức và thời gian thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa:

Các bên cần ghi rõ phương thức thanh toán (chuyển khoản hay tiền mặt) và thời gian thanh toán cụ thể với số tiền thanh toán của từng đợt. Để đảm bảo an toàn, các bên có thể mở LC hoặc sử dụng các biện pháp bảo lãnh tại ngân hàng cho việc thanh toán.

Thời điểm giao hàng

Đối với bên mua, cần quy định rõ thời điểm cụ thể phải giao hàng hóa. Bên bán phải giao hàng vào đúng thời điểm giao hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bên mua có nghĩa vụ nhận hàng theo thỏa thuận và thực hiện những công việc hợp lý để giúp bên bán giao hàng. Một số hợp đồng không quy định về thời điểm giao hàng, hoặc ghi thời hạn giao hàng chung chung, gây khó khăn cho bên bán cũng như bên mua trong việc giao nhận hàng. Ví dụ như, trong hợp đồng ghi thời hạn giao hàng vào tháng 11/2012. Trường hợp này, bên bán có quyền giao hàng vào bất kì thời điểm nào trong tháng 11 và thông báo trước với bên mua.

Nếu như bên bán giao hàng trước thỏa thuận thì bên mua có quyền chấp nhận hoặc từ chối nhận hàng. Do đó, việc giao hàng cần phải có thỏa thuận giữa các bên và phương án giải quyết khi giao hàng không đúng hạn.

Địa điểm giao hàng

Về địa điểm giao hàng, người bán có nghĩa vụ giao hàng đúng địa điểm thỏa thuận. Tuy nhiên, một số hợp đồng lại không có thỏa thuận về vấn đề này. Theo quy định pháp luật địa điểm giao hàng được thỏa thuận như sau:

- Nếu như quá trình vận chuyển hàng hóa từ bên bán đến bên mua qua nhiều trung gian vận chuyển thì bên bán phải giao hàng cho bên trung gian vận chuyển đầu tiên đúng thỏa thuận. Và sau khi bên bán giao hàng cho bên vận chuyển đầu tiên, mặc dù bên mua chưa nhận được hàng nhưng nghĩa vụ giao hàng của bên bán đã thực hiện xong và mọi trách nhiệm sự hư hỏng hàng hóa sẽ do bên trung gian gánh vác.
- Nếu như lúc kí hợp đồng, bên bán biết địa điểm kho chứa hàng, địa điểm xếp hàng hoặc nơi sản xuất, chế tạo hàng hóa của bên mua thì bên bán phải giao hàng đến địa điểm đó. Trên thực tế bên bán thường vi phạm nội dung này, cho rằng trong hợp đồng không ghi rõ địa điểm giao hàng nên bên bán vẫn trữ hàng tại kho của mình và yêu cầu bên mua đến nhận.
- Nếu không thuộc hai trường hợp trên, bên mua phải đến địa điểm kinh doanh của bên bán, nếu không có địa điểm kinh doanh thì đến nơi cư trú của bên bán lúc kí hợp đồng để lấy hàng. Trường hợp này, bên mua chịu rủi ro cao hơn do phải bảo quản hàng hóa trong quá trình vận chuyển từ nơi giao hàng của bên bán về kho, địa điểm kinh doanh của bên mua.

Kiểm tra hàng hóa, nghiệm thu, bàn giao:

Kiểm tra hàng hóa là một khâu quan trọng trong quá trình mua bán hàng hóa. Bước này được thực hiện trước khi giao hàng nhằm bảo đảm hàng hóa giao đúng hợp đồng, hạn chế được tranh chấp phát sinh. Bên bán phải tạo điều kiện, bảo đảm cho bên mua tiến hành kiểm tra hàng hóa. Nếu như hợp đồng có quy định về vận chuyển hàng hóa, thì việc kiểm tra hàng hóa tiến hành khi hàng hóa được chuyển tới địa điểm đến. Sau khi kiểm tra, bên mua phải thông báo về tình trạng hàng hóa, về các khiếm khuyết của hàng hóa mà bên mua biết. Nếu như bên mua không thông báo thì bên bán không phải chịu trách nhiệm đối với những khiếm khuyết này. Tuy nhiên, có những khiếm khuyết bên mua không thể phát hiện được trong quá trình kiểm tra thông thường. Trường hợp này, bên bán vẫn phải chịu trách nhiệm.

Nếu như bên mua không thực hiện việc kiểm tra hàng hóa trước khi bên bán giao hàng theo thỏa thuận thì bên bán có quyền giao hàng và bên mua phải nhận hàng theo hợp đồng.

Nếu như bên bán giao hàng thiếu so với hợp đồng nhưng vẫn còn thời hạn giao hàng thì bên bán vẫn có thể giao phần hàng còn thiếu trong thời hạn còn lại. Trường hợp bên bán giao thừa hàng thì bên mua có quyền từ chối hoặc chấp nhận số hàng thừa đó và phải thanh toán theo giá thỏa thuận trong hợp đồng hoặc theo giá khác do các bên thỏa thuận.

Đối với một số hàng hóa có chứng từ đi kèm, thì bên bán có nghĩa vụ giao đầy đủ chứng từ liên quan đến hàng hóa cho bên mua. Chứng từ có thể gửi kèm hàng hóa hoặc gửi riêng tùy theo thỏa thuận giữa các bên.

Quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên:

Các bên cần chi tiết hóa các nghĩa vụ trong giai đoạn trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng cũng như thời điểm chấm dứt cụ thể.

Để hiểu rõ hơn, bạn hãy đọc bài viết của chúng tôi về Nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa.

Ràng buộc trách nhiệm:

Các bên có thể dự trù các tình huống đối phương có thể vận dụng để không thực hiện hợp đồng mà soạn thảo những điều khoản thích hợp, như trách nhiệm của bên mua khi không thanh toán, hoặc trách nhiệm của bên bán khi không chuyển giao hàng hóa của hợp đồng.

Thời hạn thực hiện hợp đồng:

Trong hợp đồng cần quy định rõ thời điểm bắt đầu có hiệu lực và chấm dứt, hoặc những căn cứ phát sinh dẫn đến hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

4. Nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa

Nội dung của hợp đồng nói chung là các điều khoản do các bên thỏa thuận, thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng. Nội dung của HĐ mua bán hàng hóa là các điều khoản do các bên thỏa thuận, thể hiện quyền và nghĩa vụ của bên bán và bên mua trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa.

Hợp đồng bắt buộc phải bao gồm những nội dung chủ yếu nào là tùy thuộc vào quy định của pháp luật từng quốc gia. Việc pháp luật quy định nội dung của hợp đồng mua bán có ý nghĩa hướng các bên tập trung vào thỏa thuận các nội dung quan trọng của hợp đồng, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện và phòng ngừa các tranh chấp có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng. Luật thương mại Việt Nam không quy định hợp đồng mua bán hàng hóa phải bao gồm nội dung bắt buộc nào. Tuy nhiên, ta có thể thấy rằng, một hợp đồng mua bán hàng hóa thông thường phải chứa đựng sự thỏa thuận về đối tượng, chất lượng, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn và địa điểm nhận giao hàng.

Trong quan hệ mua bán hàng hóa, các bên không chỉ bị ràng buộc bởi những điều khoản đã thỏa thuận với nhau mà còn chịu sự ràng buộc bởi những quy định của pháp luật, tức là những điều khoản pháp luật có quy định nhưng các bên không thỏa thuận trong hợp đồng.

5. Điều kiện để hợp đồng mua bán hàng hóa có hiệu lực

Hoạt động mua bán hàng hóa là một hoạt động trung tâm trong giao lưu thương mại, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Quan hệ mua bán hàng hóa được thể hiện dưới hình thức pháp lý nhất định là hợp đồng mua bán hàng hóa. “Hợp đồng mua bán hàng hóa là sự thỏa thuận thống nhất ý chí của các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng hóa cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ trả tiền và nhận hàng hóa”. Theo đó, hợp đồng mua bán hàng hóa bao gồm bốn đặc điểm cơ bản sau:

Về chủ thể: hợp đồng mua bán hàng hóa được thiết lập giữa các chủ thể chủ yếu là thương nhân.

Về hình thức: hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được thiết lập dưới hình thức lời nói, văn bản hoặc hành vi cụ thể của các bên giao kết. Trong những trường hợp pháp luật bắt buộc phải lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó.

Về đối tượng: hợp đồng mua bán hàng hóa phải là hàng hóa bao gồm tất cả các loại động sản và những vật gắn liền với đất đai. Hàng hóa ở đây phải là loại hàng hóa hợp pháp, được phép kinh doanh.

Về nội dung:

Trong quan hệ mua bán hàng hóa giữa các bên, bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận tiền; bên mua có nghĩa vụ nhận hàng hóa và trả tiền cho bên bán. Mục đích thông thường của các bên là lợi nhuận.

Để hợp đồng mua bán hàng hóa có hiệu lực thì hợp đồng đó phải đáp ứng được những điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật. Luật Thương mại năm 2005 không có điều khoản nào quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng mua bán hàng hóa. Do đó, việc xác định các điều kiện sẽ dựa trên cơ sở khái niệm, đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa cũng như các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự và các văn bản khác có liên quan để làm căn cứ. Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- 1. a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;*
- 2. b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;*
- 3. c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.*
- 4. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định”.*

Theo đó, hợp đồng mua bán hàng hóa sẽ có hiệu lực khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Về nguyên tắc giao kết hợp đồng:

Hợp đồng là sự thỏa thuận thống nhất ý chí của các bên. Các bên tự do trong việc thể hiện ý chí của mình, hướng đến lợi ích của các bên đồng thời không xâm phạm lợi ích chính đáng mà pháp luật cần bảo vệ.

- Về chủ thể tham gia, giao kết hợp đồng:

Chủ thể tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa phải là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.

Ngoài ra, chủ thể giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa cũng phải đúng thẩm quyền nghĩa là, chủ thể giao kết hợp đồng phải là đại diện hợp pháp của thương nhân (đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền).

- Về đối tượng của hợp đồng:

Đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa là hàng hóa. Khoản 2 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 quy định hàng hóa bao gồm:

a) Tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai;

b) Những vật gắn liền với đất đai”.

Như vậy, hàng hóa trong thương mại là đối tượng mua bán có thể là hàng hóa hiện đang tồn tại hoặc có thể hình thành trong tương lai, có thể là động sản hoặc bất động sản. Tuy nhiên, những hàng hóa này phải là những hàng hóa hợp pháp và phải không thuộc những trường hợp hàng hóa bị cấm kinh doanh trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh.

- Về nội dung của hợp đồng:

Hợp đồng mua bán hàng hóa thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mua bán, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận hàng hóa và trả tiền cho bên bán. Nội dung của hợp đồng bao gồm các điều khoản được ghi nhận trong hợp đồng thông thường bao gồm các điều khoản: Tên hàng, số lượng, chất lượng/phẩm chất, giá cả, phương thức thanh toán, giao hàng.... Ngoài ra, các bên còn có thể thỏa thuận về các điều khoản khác của hợp đồng. Tuy nhiên, số lượng điều khoản, loại điều khoản không phải là điều kiện để vô hiệu hợp đồng. Các điều khoản của hợp đồng phải phù hợp với pháp luật, điều khoản nào mà trái pháp luật thì điều khoản đó sẽ vô hiệu. Nói cách khác, nội dung hợp đồng không thể là điều kiện để hợp đồng vô hiệu toàn phần.

- Về hình thức của hợp đồng:

Điều 24 Luật Thương mại năm 2005 quy định về hình thức hợp đồng mua bán hàng hóa như sau:

“1. Hợp đồng mua bán hàng hóa được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.

2. Đối với các loại hợp đồng mua bán hàng hóa mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó”.

Như vậy, hợp đồng mua bán hàng hóa có thể được ký kết dưới mọi hình thức, trừ những hợp đồng có quy định chuyên ngành như: hợp đồng mua bán quốc tế, hợp đồng mua bán điện, ... thì bắt buộc phải bằng văn bản. Nói cách khác, điều kiện về hình thức của hợp đồng chỉ áp dụng cho một số loại hợp đồng mà pháp luật quy định cụ thể về hình thức chứ không phải áp dụng cho tất cả các hợp đồng mua bán hàng hóa.

6. Các mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa tham khảo

6.1 Mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa

Mẫu 1:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Hợp đồng số:/20..../HĐMB

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào đơn chào hàng (đặt hàng hoặc sự thực hiện thỏa thuận của hai bên).

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm.....

Tại địa điểm:

Chúng tôi gồm:

Bên A:

- Tên doanh nghiệp:
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Fax:
 - Tài khoản số:
 - Mở tại ngân hàng:
 - Đại diện là Ông (bà):
 - Chức vụ:
 - Giấy ủy quyền số:.....(nếu có) ngày
- Do Chức vụ.....ký.

Bên B:

- Tên doanh nghiệp:
 - Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Fax:
 - Tài khoản số:
 - Mở tại ngân hàng:
 - Đại diện là Ông (bà):
 - Chức vụ:
 - Giấy ủy quyền số:.....(nếu có) ngày
- Do Chức vụ.....ký.

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch:

1. Bên A bán cho bên B:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.						

Cộng:

Tổng trị giá (bằng chữ):

2. Bên B bán cho bên A:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1.						

Cộng:.....

Tổng trị giá (bằng chữ):.....

Điều 2: Giá cả:

Đơn giá mặt hàng trên là giá(theo văn bản..... (nếu có) của

Điều 3: Chất lượng và quy cách hàng hóa:

Chất lượng mặt hàng được quy định theo.....

Điều 4: Bao bì và ký mã hiệu:

1. Bao bì làm bằng:

2. Quy cách bao bì:..... cỡ..... kích thước:.....

3. Cách đóng gói:

Trọng lượng cả bì:.....

Trọng lượng tịnh:.....

Điều 5: Phương thức giao nhận

1. Bên A giao cho bên B theo lịch sau:

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bênchịu.

3. Chi phí bốc xếp (mỗi bên chịu một đầu hoặc.....)

4. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

5. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng v.v... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chở về nhập kho mới hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra

trung gian (Vinacontrol) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn 10 ngày tính từ khi lập biên bản. Sau 15 ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

6. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng, người nhận phải có đủ:

- Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua;
- Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán;
- Giấy chứng minh nhân dân.

Điều 6: Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa

1. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng cho bên mua trong thời gian làtháng.

2. Bên bán phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

Điều 7: Phương thức thanh toán

Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức..... trong thời gian.....

Điều 8: Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu cần).

Lưu ý: Chỉ ghi ngắn gọn cách thức, tên vật bảo đảm và phải lập biên bản riêng.

Điều 9: Trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới..... % giá trị của hợp đồng bị vi phạm (cao nhất là 8%).

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành v.v... mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 10: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng

1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực bàn bạc giải quyết (cần lập biên bản ghi toàn bộ nội dung).

2. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra tòa án.

Điều 11: Các thỏa thuận khác (nếu cần)

Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành của các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 12: Hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày đến ngày.....

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày.

Bên có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian địa điểm thanh lý.

Hợp đồng này được làm thành..... bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ.....bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Chức vụ

Ký tên, đóng dấu

ĐẠI DIỆN BÊN B

Chức vụ

Ký tên, đóng dấu

www.eLib.vn

Mẫu 2:**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ

Số...../20...../HĐMB

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm, tại

Chúng tôi gồm có:

BÊN MUA:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đại diện bởi: Ông (bà)

Chức vụ:

Mã số thuế:

Tài khoản số:

Ngân hàng:

Sau đây gọi tắt là Bên A

BÊN BÁN:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Đại diện bởi:

Chức vụ: Giám đốc:

Mã số thuế:

Tài khoản số: Tại ngân hàng:

Sau đây gọi tắt là Bên B

Hai bên A và B thống nhất thoả thuận nội dung Hợp đồng như sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ GIÁ CẢ

Đơn vị tính: 1000đồng

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1					

2					
3					
4					
5	Cộng tiền hàng				Bằng chữ:
6	Thuế GTGT (%)				
7	Tổng tiền thanh toán				

Giá cả trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

Hàng hoá do Bên Bán cung cấp phải đảm bảo đúng chất lượng (Có Giấy chứng nhận hàng hoá cung cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền)

ĐIỀU 2: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Thời hạn Hợp đồng là: tháng kể từ ngày đến hết ngày

ĐIỀU 3: THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Tổng số tiền Bên Mua phải Thanh toán cho Bên Bán là: đồng/lô hàng

(Bằng chữ:ngàn đồng)

Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Thời hạn thanh toán:

Mỗi một lô hàng khi Bên B xuất ra Bên A sẽ thanh toán làm hai lần:

Lần 1: tổng giá trị lô hàng, ngay sau khi Bên B giao hàng.

Lần 2: giá trị còn lại, sau ngày kể từ ngày Bên B giao hàng.

(Ngày được tính bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ, ngày tết)

Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Khi Bên A thanh toán tiền hàng theo các lần thanh toán, Bên B có nghĩa vụ ghi hoá đơn, chứng từ chứng nhận việc đã thanh toán của Bên A theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 4: THỜI ĐIỂM VÀ ĐỊA ĐIỂM CHUYỂN GIAO TÀI SẢN:

Bên bán chuyển giao tài sản cho Bên mua tại trong thời hạn ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng;

ĐIỀU 5: NGHĨA VỤ CỦA BÊN BÁN

5.1 Bên Bán chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng đối với toàn bộ các sản phẩm do Bên Bán cung cấp cho tới khi hàng đến

5.2 Bên Bán có nghĩa vụ giao hàng cho Bên mua tại

5.3 Bên Bán có nghĩa vụ cung cấp mọi chỉ dẫn cần thiết đối với việc bảo quản, sử dụng hàng hoá theo quy định của Hợp đồng này cho Bên mua.

ĐIỀU 6: NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA

6.1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ chi phí vận chuyển từ kho xưởng của mình đến

6.2. Tổ chức tiếp nhận nhanh, an toàn, dứt điểm cho từng lô hàng.

6.3. Thanh toán theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng này.

6.4. Chịu chi phí bốc dỡ từ xe xuống khi Bên Bán vận chuyển hàng hoá đến

ĐIỀU 7: THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Sau ngày kể từ ngày hai Bên đã thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các Điều khoản trong Hợp đồng này, mà không có vướng mắc gì thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý.

ĐIỀU 8: PHẠT HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Đối với Bên Bán:

- Nếu Bên Bán không giao hàng đúng thời hạn quy định tại Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm.
- Nếu Bên Bán không giao đủ hàng đúng số lượng và chất lượng theo quy định tại Hợp đồng này thì sẽ phải cung cấp tiếp hàng hoá theo đúng quy định và bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị hàng hoá bị vi phạm cho 01 ngày chậm.

Đối với bên mua:

- Nếu Bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo qui định tại Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm.
- Nếu Bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ tiếp nhận hàng theo qui định của Hợp đồng này thì sẽ bị phạt số tiền là 0,05% Tổng giá trị Hợp đồng cho 01 ngày vi phạm.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này nếu xảy ra bất kỳ sự bất đồng nào, Bên nảy sinh bất đồng sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản. Hai bên sẽ thương lượng để giải quyết các bất đồng đó. Trường hợp các bên không tự thương lượng được thì sự việc sẽ được đưa ra giải quyết theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 10: CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm hợp đồng dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 12: HIỆU LỰC THI HÀNH

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và chỉ được coi là kết thúc khi các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng. Trong trường hợp một Bên muốn sửa đổi các điều khoản trong hợp đồng thì phải thông báo cho Bên kia biết trước ít nhất là 03 ngày và cùng nhau thỏa thuận lại những điểm cần thay đổi với sự đồng ý của hai Bên.

Hợp đồng này được lập thành bản, mỗi Bên giữ bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

Mẫu 3:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: .../...../HĐMB

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay ngày Tháng năm Tại:

Chúng tôi gồm:

Bên A: (Bên bán)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tài khoản ngân hàng:

Số điện thoại/Email:

Người đại diện:

Chức vụ:

Bên B: (Bên mua)

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Tài khoản ngân hàng:

Số điện thoại/Email:

Người đại diện:

Chức vụ:

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Hàng hóa mua bán

Bên A đồng ý bán cho bên B những hàng hóa sau:

Số tự	Số thứ tự	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1
2...
	Tổng cộng:

Tổng giá trị bằng chữ:

Điều 2: Chất lượng và quy cách hàng hóa

2.1. Chất lượng hàng hóa được nêu tại điều 2 đảm bảo đúng theo

2.1. Quy cách hàng hóa: Hình thức, kiểu dáng hàng hóa được ghi nhận như sau:

Số thứ tự	Tên hàng	Hình thức	Kiểu dáng	Ghi chú
1
2

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1. Giá trị hợp đồng

3.2. Phương thức thanh toán

Điều 4: Thời hạn thực hiện hợp đồng

Bên A giao cho bên B theo lịch sau:

STT	Tên hàng	Đơn vị	Số lượng	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						

Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý.

Chi phí vận chuyển và chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu do bên.....chịu

Điều 5: Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa

5.1. Bên bán có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc gửi kèm phiếu hướng dẫn trong từng sản phẩm hàng hóa (Nếu cần thiết)

5.2. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng cho bên mua trong thời gian là tháng.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A

6.1. Bên bán được nhận thanh toán từ bên mua theo đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng này

6.2. Bên Bán có nghĩa vụ giao hàng đúng thời gian, địa điểm, chất lượng và chủng loại theo quy định trong hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng.

6.2. Bên Bán có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ, tài liệu hợp lệ cho Bên Mua và chịu trách nhiệm pháp lý về tính hợp lệ của các hóa đơn, chứng từ, tài liệu đã giao.

6.3. Bên bán có nghĩa vụ bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa cho bên mua theo thỏa thuận

6.4.....

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của bên B

Bên Mua có trách nhiệm thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã quy định.

.....

Điều 8: Thời điểm chịu rủi ro

8.1. Bên bán chịu rủi ro đối với hàng hóa trước khi hàng hóa được giao cho bên mua, bên mua chịu rủi ro đối với hàng hóa kể từ thời điểm nhận tài sản

8.2. Đối với hàng hóa phải đăng ký quyền sở hữu thì bên bán chịu rủi ro cho đến khi hoàn thành thủ tục đăng ký, bên mua chịu rủi ro kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký

8.3.....

Điều 9: Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng

9.1. Bồi thường thiệt hại

.....

9.2. Phạt vi phạm hợp đồng

.....

Điều 10: Sự kiện bất khả kháng

10.1. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng khiến cho mỗi bên không thể thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này thì trách nhiệm bồi thường thiệt hại của mỗi bên được loại trừ

10.2. Sự kiện bất khả kháng là.....bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:

.....

10.3.....

Điều 11: Bảo mật và phương thức liên lạc

- 11.1. Tất cả giấy tờ, tài liệu, thông tin trao đổi giữa các bên được coi là thuộc sở hữu của các Bên. Các Bên có nghĩa vụ giữ bí mật và chỉ được tiết lộ cho Bên thứ ba nếu được sự đồng ý trước bằng văn bản của phía bên kia hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;.....
- 11.2. Các Bên thống nhất phương án liên lạc bằng email, điện thoại, đường bưu điện;

Điều 12: Giải quyết tranh chấp

- 12.1. Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng và phát sinh tranh chấp, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu không thỏa thuận được sẽ đưa ra tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết
- 12.2. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau bao gồm....trang. Mỗi bên giữ 01 bản chính

ĐẠI DIỆN BÊN A

Ký tên
(Đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ký tên
(Đóng dấu)